

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày: 19 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lò Thị Hiêng
- Ông Vũ Văn Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoản - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên;

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST - DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Ngân hàng V (B).* Địa chỉ trụ sở: Tháp B Trần Quang Ki, phường H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L - Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Đại D - Giám đốc B Chi nhánh Điện Biên. Địa chỉ: Số X đường V, phường Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Đại D: Bà Lê Thị Phương L - Chuyên viên PGD B, B Chi nhánh Điện Biên. Địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện Đ (nay là xã Th), tỉnh Điện Biên. (Theo Quyết định ủy quyền số 988 ngày 18/6/2025) (Bà L có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H** và ông **Nguyễn Sơn N**. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, phường T, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/12/2020, bà Nguyễn Thị H cùng chồng là ông Nguyễn Sơn N (sau đây gọi tắt là khách hàng) có vay vốn tại B chi nhánh Điện Biên tại Hợp đồng tín dụng số 01/2020/3134447/HĐTD với số tiền vay là 2.300.000.000 đồng, thời gian vay là 180 tháng, mục đích vay là Sửa chữa nhà ở. Đến ngày 10/12/2021 dư nợ của bà H, ông N tại Ngân hàng là: 2.225.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Sơn N có vay thêm khoản vay mới với số tiền là: 75.000.000 đồng, với thời hạn là 11 tháng với mục đích là kinh doanh sản xuất nhôm kính tại Hợp đồng tín dụng số 01/2021/3134447/HĐTD. Trong quá trình vay, khách hàng luôn chấp hành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên từ ngày 10/11/2022 đến nay do gia đình bà Nguyễn Thị H gặp khó khăn ảnh hưởng tới khả năng trả nợ nên không trả được nợ dẫn tới các khoản vay bị quá hạn, chuyển nợ xấu.

Tổng dư nợ của khách hàng tại B - Chi nhánh Điện Biên theo các hợp đồng tín dụng (HĐTD) tính đến ngày 19/06/2025 (có nghĩa là đến hết 24h00 ngày 18/06/2025) là: 440.574.475 đồng. Trong đó: Gốc: 119.040.000 đồng; Lãi: 311.218.872 đồng; Lãi quá hạn: 10.315.879 đồng, cụ thể như sau:

Số hợp đồng	Ngày vay	Số tiền vay (Đồng)	Thời hạn vay (Tháng)	Dư nợ gốc đến ngày 19/06/2025 (Đồng)	Dư nợ lãi đến đến ngày 19/06/2025 (Đồng)	Phạt quá hạn đến ngày 19/06/2025 (Đồng)
01/2020/3134447/HĐTD	10/12/2020	2.300.000.000	180	119.040.000	301.617.707	5.968.137
01/2021/3134447/HĐTD	10/12/2021	75.000.000	11	0	9.601.165	4.347.742
Tổng cộng		2.375.000.000		119.040.000	311.218.872	10.315.879

B Điện Biên đã nhiều lần nhắc nợ, làm việc với khách hàng. Theo Biên bản làm việc ngày 07/12/2023 giữa bà H, ông N với B Điện Biên: sau khi chuyển nhượng xong tài sản thế chấp của bà H và ông N tại Ngân hàng qua Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, đối với số tiền gốc còn thiếu hàng tháng gia đình bà H cam kết sẽ trả số tiền là 5.000.000 đồng để trả nợ. Ngày 26/01/2024, bà Nguyễn Thị H có trả nợ số tiền gốc là 17.960.000 đồng cho Ngân hàng. Từ sau ngày 26/01/2024 đến nay gia đình Bà Nguyễn Thị H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vi phạm điều 7 tại Hợp

đồng tín dụng số 01/2020/3134447/HĐTD ngày 10/12/2020 và vi phạm điều 6 tại Hợp đồng tín dụng số 01/2021/3134447/HĐTD ngày 10/12/2021.

Thông tin tài sản bảo đảm toàn bộ tiền vay: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các HĐTD nêu trên, khách hàng đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/3134447/HĐBĐ ngày 08/12/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/3134447/SĐBS ngày 07/12/2022 để thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng thửa đất số: 21, tờ bản đồ số: 11, diện tích: 177,4m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ X, phường T, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 5156xx, số vào sổ cấp GCN: CH459xx do UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 07/12/2020 cho bà H, ông N. Tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trong giới hạn số tiền dư nợ gốc là 2.150.000.000 đồng (Theo Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/3134447/SĐBS ngày 07/12/2022). Khách hàng đã tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp để bán đấu giá, kết quả giá trúng tài sản đấu giá là: 2.100.000.000 đồng. Do sau khi bán tài sản thế chấp vẫn chưa đủ số tiền khách hàng phải trả cho các hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng phải tiến hành khởi kiện để thu hồi vốn cho nhà nước.

Yêu cầu khởi kiện ban đầu của Ngân hàng là:

1. Tuyên buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sơn N phải thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ cho B toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 19/06/2025 là: 440.574.751 đồng

+ Nợ gốc là: 119.040.000 đồng

+ Nợ lãi là: 311.218.872 đồng

+ Nợ lãi quá hạn là: 10.315.879 đồng

2. Tuyên buộc Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sơn N phải tiếp tục trả toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hạn và quá hạn thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các khoản phí phát sinh (nếu có) cho đến khi Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sơn N thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với B Điện Biên.

3. Yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sơn N tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/3134447/HĐTD ngày 10/12/2020; Hợp đồng tín dụng số 01/2021/3134447/HĐTD ngày 10/12/2021.

Do dư nợ của khách hàng tính đến ngày 19/9/2025 là:

Số hợp đồng	Ngày vay	Số tiền vay (Đồng)	Thời hạn vay (Tháng)	Dư nợ gốc đến ngày 19/9/2025 (Đồng)	Dư nợ lãi đến đến ngày 19/09/2025 (Đồng)	Phạt quá hạn đến ngày 19/9/2025 (Đồng)
01/2020/3134447/HĐTD	10/12/2020	2.300.000.000	180	119.040.000	304.378.131	9.601.165
01/2021/3134447/HĐTD	10/12/2021	75.000.000	11	0	5.983.139	4.347.742
Tổng cộng		2.375.000.000		119.040.000	313.979.296	10.330.881

Nên yêu cầu khởi kiện của ngân hàng cho đến nay là:

1. Tuyên buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sơn N phải thực hiện trả nợ cho B (thông qua B chi nhánh Điện Biên) toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 19/9/2025 là: 443.350.177 đồng

+ Nợ gốc là: 119.040.000 đồng

+ Nợ lãi là: 313.979.296 đồng

+ Nợ lãi quá hạn là: 10.330.881 đồng

2. Tuyên buộc Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sơn N phải tiếp tục trả toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hạn và quá hạn thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các khoản phí phát sinh (nếu có) cho đến khi Nguyễn Thị Hương và ông Nguyễn Sơn Nam thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với BIDV Điện Biên.

3. Yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sơn N tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/3134447/HĐTD ngày 10/12/2020; Hợp đồng tín dụng số 01/2021/3134447/HĐTD ngày 10/12/2021.

2. Về phía bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà H có bản tự khai, đến tham gia hòa giải tại Tòa án, nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, vắng mặt tại phiên tòa. Ông N không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết, không có văn bản trả lời về Biên bản hòa giải thành giữa đại diện nguyên đơn và bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn có nơi cư trú tại phường T, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo

quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Về loại việc, quan hệ tranh chấp: Trong vụ án này, các bên đều có đăng ký kinh doanh, một trong hai hợp đồng tín dụng có mục đích vay để sửa chữa nhà ở với số tiền vay lớn hơn hợp đồng có mục đích kinh doanh nên cần xác định đây là vụ án dân sự mà không phải là kinh doanh thương mại, với quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), HĐXX xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đại diện nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H thể hiện: Ông N, bà H đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2020/3134447/HĐTD với số tiền vay là 2.300.000.000 đồng, thời gian vay là 180 tháng, lãi suất 8,2%/năm, mục đích vay là Sửa chữa nhà ở. Đến ngày 10/12/2021 bà H, ông N ký Hợp đồng tín dụng số 01/2021/3134447/HĐTD để vay số tiền là: 75.000.000 đồng, với thời hạn là 11 tháng, lãi suất 7,5%/năm với mục đích là kinh doanh sản xuất nhôm kính. Trong các hợp đồng, các bên có thỏa thuận việc trả lãi, lãi quá hạn, phí và phạt vi phạm, việc điều chỉnh lãi...

Ông N, bà H được giải ngân vay tổng số tiền 2.375.000.000 đồng.

Cho đến ngày xét xử, bị đơn còn nợ tổng số tiền 443.350.177 đồng

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bà H, ông N đã tự nguyện ký hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/3134447/HĐBĐ ngày 08/12/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/3134447/SĐBS ngày 07/12/2022 để thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng thửa đất số: 21, tờ bản đồ số: 11, diện tích: 177,4m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ X, phường T, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 5156xx, số vào sổ cấp GCN: CH459xx do UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 07/12/2020 cho bà H, ông N. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm quản lý đất đai thành phố Đ theo quy định. Khách hàng đã tự nguyện bàn giao tài sản để bán đấu giá, kết quả giá trúng tài sản đấu giá là: 2.100.000.000 đồng. Do sau khi bán tài sản thế chấp khách hàng vẫn chưa trả đủ số tiền phải trả cho các hợp đồng tín dụng nên phía ngân hàng phải tiến hành khởi kiện.

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi: Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà H, ông N về cơ bản đã thực hiện đúng cam kết, tự nguyện bàn giao tài sản để bán đấu giá, tuy nhiên sau khi bán tài sản thế chấp chưa đủ để trả hết nợ. Cho đến nay chưa trả hết tiền gốc, lãi cho Ngân hàng, vi phạm điều 6 Hợp đồng tín dụng số 01/2020/3134447/HĐTD, Điều 7 Hợp đồng tín dụng số 01/2021/3134447/HĐTD. Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, yêu cầu trả nợ nhưng không thực hiện.

Xét tính hợp pháp của các Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng được ký kết giữa B Điện Biên với bà Hương, ông Nam trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, hình thức và nội dung đảm bảo các quy định của pháp luật nên hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

Trong Hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc trả gốc, lãi, lãi phạt, điều chỉnh lãi...Mức lãi suất được các bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần được chấp nhận. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc và lãi, lãi quá hạn của Nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi vay trong hạn, lãi quá hạn theo mức lãi suất và thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay trên số nợ gốc thực tế cho đến khi trả hết nợ: Do yêu cầu trả nợ gốc, lãi được chấp nhận nên phía bị đơn tiếp tục trả tiền lãi vay trong hạn, lãi quá hạn theo mức lãi suất và thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Xét thấy Hợp đồng thế chấp bất động sản và Văn bản sửa đổi bổ sung có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được các bên ký kết, thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký thế chấp, xử lý tài sản thế chấp đúng quy định tại Điều 117, 118, 119, 317, 318, 319, 322, 323, 299 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng. Thực tế, các bên đã thực hiện việc bàn giao tài sản, bán đấu giá tài sản, bị đơn không có khiếu nại gì đối với việc xử lý tài sản của ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà H đã đồng ý trả nợ, đồng ý các yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Ông N không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, được coi là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể, bị đơn phải chịu: 20.000.000 đồng + 4% của 43.350.177 đồng = 21.734.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Các Điều 117, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V (B).

1.1 Buộc Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sơn N phải thanh toán cho B (thông qua B chi nhánh Điện Biên) tổng số tiền tính đến ngày 19/9/2025 là: **443.350.177** (*Bốn trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm năm mươi nghìn, một trăm bảy mươi bảy*) **đồng. Trong đó:**

+ **Nợ gốc là: 119.040.000** (*Một trăm mười chín triệu, không trăm bốn mươi nghìn*) **đồng**

+ **Nợ lãi là: 313.979.296** (*Ba trăm mười ba triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm chín mươi sáu*) **đồng**

+ **Nợ lãi quá hạn là: 10.330.881** (*Mười triệu, ba trăm ba mươi nghìn, tám trăm tám mươi mốt*) **đồng**

1.2 Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sơn N phải tiếp tục trả toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hạn và quá hạn thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các khoản phí phát sinh (nếu có) cho đến khi Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sơn N thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với B chi nhánh Điện Biên.

1.3. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sơn N tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng số 01/2020/3134447/HĐTD ngày 10/12/2020; Hợp đồng tín dụng số 01/2021/3134447/HĐTD ngày 10/12/2021.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Sơn N phải chịu **21.734.000** (*hai mươi một triệu, bảy trăm ba mươi tư nghìn*) **đồng** án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho B chi nhánh Điện Biên số tiền **10.811.000** (*mười triệu, tám trăm mười một nghìn*) **đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000009 ngày 01/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án (19/9/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh ĐB;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ